TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2024.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mỳ.

2. Bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1977;

Nơi thường trú: Tổ A, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số nhà A, thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Quản Duy X, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T và ông X có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Quản Duy X tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01/2012, ngày 02/5/2012. Vợ chồng chung sống hạnh

phúc được một thời gian đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, tính tình của hai vợ chồng ngày càng khác biệt nên thường xuyên gây gỗ, cãi nhau, ông X còn ghen tuông một cách vô cớ và luôn đe dọa sẽ giết bà nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng ngột ngạt. Cả hai đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện, tìm cách hòa giải hàn gắn tình cảm gia đình, gần đây cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt nên tình cảm vợ chồng càng trầm trọng, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Quản Duy X.

- Về con chung: Bà và ông X có 01 con chung là Quản Duy V, sinh ngày 30/11/2012. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu ông X phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Quản Duy X trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai vào năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã, xung đột. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến nay ông thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là Quản Duy V, sinh ngày 30/11/2012. Ly hôn, ông đồng ý giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông X trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông X có 01 con chung là Quản Duy V, sinh ngày 30/11/2012. Ly hôn, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Quản Duy X cư trú tại huyện V, tỉnh Đồng Nai, nên đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị T và bị đơn ông X đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông X theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai vào năm 2012, đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn, trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà T và ông X là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà T có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông X nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông X xảy ra từ khoảng năm 2023 đến nay. Bà T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột; nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Ông X thừa nhận vợ chồng ông đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, bà T xin ly hôn thì ông đồng ý.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông X là có thật, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T, bà T được ly hôn với ông X.

[4] Về con chung: Bà T và ông X có có 01 con chung là Quản Duy V, sinh ngày 30/11/2012. Bà T và ông X đều thống nhất giao cháu V cho bà T nuôi dưỡng, ông X không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của cháu V là muốn

được tiếp tục ở với bà T. Do đó, cần giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau ly hôn, ông X được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông X trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của bà Phạm Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn ông Quản Duy X.

- Về con chung: Giao cháu Quản Duy V, sinh ngày 30/11/2012 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, ông X được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009315 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Phú;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại